TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1085/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Minh Đang.
2. Bà Thái Thục Hiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1293/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Huyền T, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, địa chỉ: đường H, Phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 11 năm 2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Huyền T trình bày: Bà T và ông Huỳnh Thanh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có một con chung tên Huỳnh Phạm Phương N, sinh ngày 18/10/2013; thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng sống không hòa hợp, gia đình thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không thể vun đắp chung được cuộc sống gia đình, đời sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa, vợ chồng sống không có hạnh phúc nên đã tự sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Hiện nay tình cảm của bà T đối với ông T không còn nữa. Tại Tòa bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con do con trẻ đang sống với mẹ, việc cấp dưỡng nuôi con bà chưa có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Huyền T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Phạm Huyền T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Phạm Huyền T và ông Huỳnh Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, đăng ký ngày 10/6/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa để hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng nên căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án xem xét, giải quyết việc ly hôn.

[5] Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông T do bà T không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T có một con chung, bà T yêu cầu được nuôi con và chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Huỳnh Phạm

Phương N, sinh ngày 18/10/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con bà Trân chưa có yêu cầu nên không xét đến.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Huyền T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Phạm Phương N, sinh ngày 18/10/2013, việc cấp dưỡng nuôi con bà T chưa có yêu cầu.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, theo cầu của cha, mẹ, người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) bà T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009488 ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Đức Nam